

Số: 870 /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa, đăng kiểm theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa, đăng kiểm theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Các công bố trước đây về thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa, đăng kiểm có liên quan hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Cảng vụ hàng hải;
- Các Cảng vụ đường thủy nội địa;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, VP (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 870 /QĐ-BXD ngày 19 tháng 6 năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
I – Lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa				
A. Thủ tục hành chính do trung ương và địa phương giải quyết				
1.	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã
2.	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa		
3.	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Chi cục hàng hải và Đường thủy khu vực, Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã nếu được phân cấp.

B. Thủ tục hành chính do địa phương giải quyết

4.	1.001223	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
5.	2.001998	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa		
6.	2.002001	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa		
7.	1.000940	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động		
8.	1.007949	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động		
9.	1.000892	Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển		
10.	2.000378	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ		
11.	1.013466	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn		
12.	1.013467	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động		Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
13.	1.013468	Chấm dứt hoạt động tàu lặn		
14.	1.001870	Đổi tên cảng cạn		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

15.	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Ủy ban nhân dân cấp xã
16.	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước		
17.	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước		
18.	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước		
19.	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát		
20.	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát		
21.	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa		

22.	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Ủy ban nhân dân cấp xã
23.	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa		
24.	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính		
25.	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa		

2. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
I – Lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa				
A. Thủ tục hành chính do trung ương giải quyết				
1.	1.002236	Gia hạn hoạt động của kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
2.	1.003253	Đổi tên cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước, cảng dầu khí ngoài khơi đã được công bố		Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
3.	1.002249	Đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cảng vụ Hàng hải
4.	1.004142	Công bố đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước,		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

		vùng nước		
5.	1.004293	Chấp thuận tiến hành tháo bỏ niêm phong hoặc việc bơm thải các chất thải, nước bẩn qua những van hoặc thiết bị của tàu thuyền	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa
6.	1.001810	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
7.	1.001830	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển		
8.	1.004280	Tạm dừng hoạt động, đóng cảng cạn		
II – Lĩnh vực Đăng kiểm				
9.	1.001309	Công nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển	Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Cục Đăng kiểm Việt Nam
10.	1.001313	Công nhận lại cơ sở đủ điều kiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển		

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

1. Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ cảng, bến có nhu cầu gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền sau:

- Bộ Xây dựng: gia hạn đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;
- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: gia hạn đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định;
- Sở Xây dựng: gia hạn đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định.
- Ủy ban nhân dân cấp xã: gia hạn bến thủy nội địa và bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền công bố hoạt động cảng, bến thủy nội địa có văn bản gia hạn hoạt động của cảng, bến thủy nội địa.

1.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua công dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa;
- Giấy tờ liên quan đến đất xây dựng cảng, bến thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa.

1.8. Phí, lệ phí:

- Phí Thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Không có.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2. Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu công bố đóng cảng, bến thủy nội địa nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền như sau:

- Bộ Xây dựng: đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;
- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định;
- Sở Xây dựng: đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định.
- Ủy ban nhân dân cấp xã: đối với bến thủy nội địa và bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Giải quyết TTHC: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, đơn đề nghị của cơ quan, chủ cảng, bến thủy nội địa cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố đóng cảng, bến thủy nội địa.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

2.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đóng cảng, bến thủy nội địa của chủ cảng, bến thủy nội địa.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan phối hợp: Không.

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công bố đóng cảng, bến thủy

nội địa.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Quyết định công bố đóng cảng, bến thủy nội địa.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Quyết định công bố đóng cảng, bến thủy nội địa:**CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CÔNG BỐ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../QĐ-...

..., ngày..... tháng..... năm...

**QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố đóng cảng (bến) thủy nội địa****BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG⁽¹⁾***Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;**Căn cứ Nghị định số ../2024/NĐ-CP ngày ...tháng 01 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;**Căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của; Theo đề nghị của.....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Nay công bố đóng cảng (bến) thủy nội địa.....

Tại vị trí có tọa độ

Từ km thứ..... đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái)..... sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn)....., huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

Của (tổ chức, cá nhân)

Địa chỉ

Số điện thoại..... số Fax

Lý do:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày..... tháng..... năm.....**Điều 3.** ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

- ...;

- Lưu: VT, ...

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN ⁽¹⁾*(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Bộ trưởng Bộ Xây dựng hoặc Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Xây dựng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Trước khi thi công công trình (công trình xây dựng: Công trình phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Kè, đập thủy lợi, cầu, bến phà; Phong điện, nhiệt điện, thủy điện; Công trình vượt qua luồng trên không hoặc dưới đáy luồng; Công trình khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường thủy nội địa.), tổ chức hoạt động (hoạt động thi công công trình (bao gồm hoạt động nạo vét vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu); khai thác tài nguyên, khoáng sản; Khu vực nuôi trồng thủy sản, hải sản (bè cá, lồng cá, đặng, đáy cá, bãi nuôi trồng thủy sản, hải sản); tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí, diễn tập, thể thao, lễ hội; họp chợ, làng nghề, thực hành đào tạo nghề; Các hoạt động khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường thủy nội địa), chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến cơ quan sau để đề nghị chấp thuận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động bảo đảm quốc phòng, an ninh trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia.

- Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa quốc gia; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải tiếp giáp với hành lang bảo vệ luồng quốc gia, trừ trường hợp quy định thuộc thẩm quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và Cảng vụ.

- Sở Xây dựng chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này. Căn cứ tình hình thực tế, Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông;

- Cảng vụ chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động sửa chữa, cải tạo nâng cấp và hoạt động khác trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi quản lý.

b) Giải quyết TTHC: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông gửi cho chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông theo mẫu;
- Phương án thi công, thời gian, tiến độ thi công công trình, tổ chức hoạt động;
- Phương án bảo đảm an toàn giao thông;
- Bản sao bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình, phạm vi khu vực tổ chức thi công công trình, tổ chức hoạt động.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

3.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực; Sở Xây dựng; Cảng vụ
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực; Sở Xây dựng; Cảng vụ
- Cơ quan phối hợp: Không

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông.

3.8. Phí, lệ phí: Không

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Đơn đề nghị Chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Đơn đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông:**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày tháng... năm... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị... (1) ... xem xét chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình (2)tại..... (1)..... với các thông tin như sau:

1. Tên công trình:

2. Vị trí xây dựng công trình:

3. Thời gian xây dựng công trình:

4. Phương án bảo đảm an toàn giao thông

5. Bản sao văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

6. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)*(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.
- (2) Đầu tư, xây dựng, thi công, khai thác... tên công trình.
- (3) Tên khu vực, tuyến, luồng, vùng nước...

4. Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở giao dịch của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;
- Trường hợp nhận qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi tổ chức, cá nhân nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;
- Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép theo mẫu; trường hợp không cấp Giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị nhập khẩu pháo hiệu hàng hải, trong đó ghi rõ chủng loại, số lượng, nước sản xuất, quy cách sản phẩm, đặc điểm và công dụng, ký mã hiệu, thời hạn sử dụng của từng loại; thời hạn nhập khẩu;
- Bản dịch có chứng thực Giấy chứng nhận xuất xứ của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước sản xuất xác nhận việc pháo hiệu hàng hải đã được thử nghiệm phù hợp với các quy định của Tổ chức Hàng hải quốc tế;
- Báo cáo của tổ chức, cá nhân về tình hình thực hiện Giấy phép nhập khẩu của năm trước đó và bản theo dõi Giấy phép nhập khẩu của Chi cục Hải quan cửa khẩu (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở giao dịch của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở giao dịch của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải.

4.8. Phí, lệ phí: Không có.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải.

4.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015;
- Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải:

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / / GP-

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP
Nhập khẩu pháo hiệu hàng hải

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP

Căn cứ Nghị định số;

Căn cứ công văn số của

Cho phép: (ghi tên, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đầu tư), ngày cấp, cơ quan cấp; địa chỉ, điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu) nhập khẩu pháo hiệu hàng hải với chủng loại, số lượng như sau:

1.
2.
3.

(Ghi rõ chủng loại, số lượng, ký mã hiệu, nước sản xuất của từng loại pháo hiệu).

Tổ chức cá nhân được phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về nhập khẩu hàng hóa, chất lượng hàng hóa và sử dụng đúng mục đích cho phép.

Giấy phép có giá trị đến ngày tháng năm

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công an;
- Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN CẤP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

5. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng: Cơ sở đào tạo có văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo mẫu, gửi trực tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ sở từ loại 3 trở lên) hoặc Sở Xây dựng (đối với cơ sở loại 4).

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo: Cơ sở đào tạo có nhu cầu đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ sở từ loại 3 trở lên) hoặc Sở Xây dựng (đối với cơ sở loại 4).

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ sở từ loại 3 trở lên) hoặc Sở Xây dựng (đối với cơ sở loại 4) cấp lại Giấy chứng nhận cho cơ sở đào tạo.

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo: Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ sở từ loại 3 trở lên) hoặc Sở Xây dựng (đối với cơ sở loại 4) phải có văn bản thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ sở từ loại 3 trở lên) hoặc Sở Xây dựng (đối với cơ sở loại 4) tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, lập biên bản kiểm tra. Sau khi kết thúc kiểm tra, nếu đáp ứng đủ điều kiện, trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ sở từ loại 3 trở lên) hoặc Sở Xây dựng (đối với cơ sở loại 4) cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở đào tạo; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính bằng các hình thức phù hợp khác.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo mẫu.

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo:

- + 01 tờ khai của cơ sở đào tạo đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu;
- + 01 bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) văn bản, chứng chỉ của giáo viên và hợp đồng của giáo viên (hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thỉnh giảng hoặc hình thức hợp đồng phù hợp khác theo quy định của pháp luật) (chỉ bổ sung những nội dung thay đổi so với lần cấp Giấy chứng nhận gần nhất);
- + 01 bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, sử dụng hoặc hợp đồng thuê phòng học, xưởng thực tập, phương tiện, cầu cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, vùng nước để dạy thực hành; giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm phương tiện còn hiệu lực phù hợp với loại, hạng và thời gian đào tạo (chỉ bổ sung những nội dung thay đổi so với lần cấp Giấy chứng nhận gần nhất).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo.
- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Xây dựng;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Xây dựng;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

5.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

5.8. Phí, lệ phí: Không có.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Tờ khai đề nghị cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do bị mất, hỏng;
- Tờ khai đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

5.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

- a) Điều kiện về phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra

Hệ thống phòng học chuyên môn và phòng thi, kiểm tra phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành, bao gồm: Phòng học pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa, phòng học lý thuyết máy - điện và phòng học thủy nghiệp cơ bản. Phòng thi, kiểm tra có thể được bố trí chung với các phòng học chuyên môn.

b) Xưởng thực hành

Các xưởng thực hành phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành, bao gồm: Xưởng thực hành nguội - cơ khí, thực hành máy - điện.

c) Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy

- Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành.

- Phương tiện thực hành phải có giấy tờ hợp pháp về đăng ký, đăng kiểm, các trang thiết bị phục vụ hành trình, cứu sinh, cứu hỏa, cứu thủng và phải treo biển "Phương tiện huấn luyện" ở vị trí dễ quan sát trong khi huấn luyện.”.

d) Nội dung, chương trình đào tạo

Nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

đ) Đội ngũ giáo viên

- Tiêu chuẩn của đội ngũ giáo viên được thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

- Đối với giáo viên dạy thực hành, ngoài tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, còn phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng phải có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng cao hơn ít nhất 01 hạng so với hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn được phân công giảng dạy;

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phải có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và có thời gian đảm nhiệm chức danh hạng nhất từ 36 tháng trở lên.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

- Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa.
- Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22/8/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu tờ khai đề nghị cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do bị mất, hỏng:

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG
TIỆN THỦY NỘI ĐỊA DO BỊ MẤT, HỎNG**

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp)...

Tên cơ sở đào tạo (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa sốngàydo(Cơ quan có thẩm quyền cấp)...

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

Lý do đề nghị cấp lại: (Ghi rõ lý do bị mất hoặc bị hỏng).....

.....

.....

.....

.... (Cơ sở đào tạo)... cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

Mẫu Tờ khai đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa:

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo:

Người đại diện pháp luật:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

3. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác của cơ sở đào tạo số.... ngày .../...../..... của

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở đào tạo.

II. BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

1. Giấy chứng nhận cơ sở đào tạo đã được cấp số... ngày... của... (nếu có).

2. Phòng học chuyên môn

Tổng số phòng học hiện có, từng loại phòng, số phòng, diện tích (m²) đáp ứng theo quy định.

Lập bảng thống kê thiết bị hiện có phục vụ các môn học.

3. Xưởng thực hành, khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy

Hiện trạng về xưởng thực hành, khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy đáp ứng theo quy định.

Lập bảng thống kê thiết bị hiện có.

4. Nội dung, chương trình đào tạo.

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:

- Số lượng giáo viên dạy thực hành:

6. Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo		Hình thức tuyển dụng		Loại, hạng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Chứng chỉ chuyên môn/thời gian đảm nhiệm chức danh	Ghi chú
			Chuyên môn	Sur phạm	Cơ hữu	Thỉnh giảng		
1								
2								
3								
...								

7. Đánh giá chung, đề nghị:

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Mẫu Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa:

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN CẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/20...../GCN

....., ngày ... tháng ... năm 20...

GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

1. Tên cơ sở:
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại:..... Fax:..... Email:
5. (Tên cơ sở) là cơ sở đào tạo loại

Được phép:

Đào tạo, bồi dưỡng

Giấy chứng nhận cấp lại lần..... và thay thế Giấy chứng nhận số ngày tháng năm do cấp (áp dụng đối với trường hợp cấp lại do bị mất, hỏng).

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN CẤP**

6. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cơ sở đào tạo có nhu cầu đề nghị cấp Giấy chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ sở từ loại 3 trở lên) hoặc Sở Xây dựng (đối với cơ sở loại 4).

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ sở từ loại 3 trở lên) hoặc Sở Xây dựng (đối với cơ sở loại 4) phải có văn bản thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ sở từ loại 3 trở lên) hoặc Sở Xây dựng (đối với cơ sở loại 4) tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, lập biên bản theo mẫu quy định. Sau khi kết thúc kiểm tra, nếu đáp ứng đủ điều kiện, trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ sở từ loại 3 trở lên) hoặc Sở Xây dựng (đối với cơ sở loại 4) cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở đào tạo; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

6.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 tờ khai của cơ sở đào tạo đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu;
- 01 bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) văn bằng, chứng chỉ của giáo viên và hợp đồng của giáo viên (hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thỉnh giảng hoặc hình thức hợp đồng phù hợp khác theo quy định của pháp luật);
- 01 bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, sử dụng hoặc hợp đồng thuê phòng học, xưởng thực tập, phương tiện, cầu cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, vùng nước để dạy thực hành; giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm phương tiện còn hiệu lực phù hợp với loại, hạng và thời gian đào tạo.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Xây dựng;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Xây dựng;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

6.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

6.8. Phí, lệ phí: Không có.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Tờ khai đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

6.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

a) Điều kiện về phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra
Hệ thống phòng học chuyên môn và phòng thi, kiểm tra phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành, bao gồm: Phòng học pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa, phòng học lý thuyết máy - điện và phòng học thủy nghiệp cơ bản. Phòng thi, kiểm tra có thể được bố trí chung với các phòng học chuyên môn.

b) Xưởng thực hành

Các xưởng thực hành phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành, bao gồm: Xưởng thực hành nguội - cơ khí, thực hành máy - điện.

c) Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy

- Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành.

- Phương tiện thực hành phải có giấy tờ hợp pháp về đăng ký, đăng kiểm, các trang thiết bị phục vụ hành trình, cứu sinh, cứu hỏa, cứu thủng và phải treo biển "Phương tiện huấn luyện" ở vị trí dễ quan sát trong khi huấn luyện.”.

d) Nội dung, chương trình đào tạo

Nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

đ) Đội ngũ giáo viên

- Tiêu chuẩn của đội ngũ giáo viên được thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

- Đối với giáo viên dạy thực hành, ngoài tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, còn phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng phải có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng cao hơn ít nhất 01 hạng so với hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn được phân công giảng dạy;

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phải có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và có thời gian đảm nhiệm chức danh hạng nhất từ 36 tháng trở lên.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

- Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa.

- Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22/8/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Tờ khai đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa:

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo:

Người đại diện pháp luật:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

3. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác của cơ sở đào tạo số.... ngày .../...../..... của

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở đào tạo.

II. BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

1. Giấy chứng nhận cơ sở đào tạo đã được cấp số... ngày... của... (nếu có).

2. Phòng học chuyên môn

Tổng số phòng học hiện có, từng loại phòng, số phòng, diện tích (m²) đáp ứng theo quy định.

Lập bảng thống kê thiết bị hiện có phục vụ các môn học.

3. Xưởng thực hành, khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy

Hiện trạng về xưởng thực hành, khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy đáp ứng theo quy định.

Lập bảng thống kê thiết bị hiện có.

4. Nội dung, chương trình đào tạo.

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:

- Số lượng giáo viên dạy thực hành:

6. Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo		Hình thức tuyển dụng		Loại, hạng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Chứng chỉ chuyên môn/thời gian đảm nhiệm chức danh	Ghi chú
			Chuyên môn	Sur phạm	Cơ hữu	Thỉnh giảng		
1								
2								
3								
...								

7. Đánh giá chung, đề nghị:

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Mẫu Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa:

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN CẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/20...../GCN

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO
TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

1. Tên cơ sở:
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại:..... Fax:..... Email:
5. (Tên cơ sở) là cơ sở đào tạo loại

Được phép:

Đào tạo, bồi dưỡng

Giấy chứng nhận cấp lại lần..... và thay thế Giấy chứng nhận số ngày tháng năm do cấp (áp dụng đối với trường hợp cấp lại do bị mất, hỏng).

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN CẤP**

7. Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ cơ sở phá dỡ tàu biển nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết hồ sơ TTHC:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra phù hợp của hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn chủ cơ sở phá dỡ tàu biển hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động theo mẫu; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Trong quá trình xử lý hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tiến hành các hoạt động: khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về cơ sở vật chất của cơ sở phá dỡ tàu biển.

7.2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động theo mẫu.
- Giấy phép môi trường của chủ cơ sở phá dỡ tàu biển được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).
- Quy trình kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).
- Văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

7.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (theo mẫu).

7.8. Phí, lệ phí: Không có.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Văn bản đề nghị quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động;
- Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;
- Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Văn bản đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động:

TÊN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ**Đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động**

Kính gửi:

1. Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển
 - a) Tên cơ sở phá dỡ tàu biển:
 - b) Địa chỉ:
 - c) Số điện thoại liên hệ:
 - d) Người đại diện theo pháp luật:
 - đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày ... tháng ... năm
 2. Thông tin năng lực phá dỡ tàu biển
 - a) Loại tàu biển có khả năng phá dỡ:
 - b) Giới hạn trọng tải toàn phần của tàu biển vào cơ sở phá dỡ:
 3. Hồ sơ về cơ sở phá dỡ tàu biển
 - a) Giấy phép môi trường của chủ cơ sở phá dỡ tàu biển được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính);
 - b) Quy trình kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực bản hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ chính);
 - c) Văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính).
- Đề nghị xem xét, quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN

Mẫu Quyết định Đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động:**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động****CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP**

Căn cứ Nghị định số

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cơ sở phá dỡ tàu biển sau đây được phép tiếp nhận tàu biển để phá dỡ:

1. Tên cơ sở phá dỡ tàu biển:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại liên hệ:
3. Người đại diện theo pháp luật:
4. Loại tàu biển phá dỡ:
5. Giới hạn trọng tải toàn phần của tàu biển phá dỡ:

Điều 2. Cơ sở phá dỡ tàu biển căn cứ Quyết định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện hoạt động phá dỡ đúng mục đích, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.

Điều 3. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan căn cứ Quyết định này và các quy định có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Hiệu lực thi hành**Điều 5.** Tổ chức thực hiện./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan (01 bản);
- Cơ sở phá dỡ tàu biển Đề nghị (01 bản);
-;
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

8. Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động khi thay đổi nội dung ghi trong Quyết định đã được cấp.
- Chủ cơ sở phá dỡ tàu biển nộp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh văn bản đề nghị cấp lại Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động theo mẫu và văn bản liên quan đến nội dung thay đổi (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Giải quyết hồ sơ TTHC:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra phù hợp của hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn chủ cơ sở phá dỡ tàu biển hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.
- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động theo mẫu; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
- Trong quá trình xử lý hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tiến hành các hoạt động: khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về cơ sở vật chất của cơ sở phá dỡ tàu biển.

8.2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp lại Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động theo mẫu (bản chính);
- Văn bản liên quan đến nội dung thay đổi (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

8.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

8.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

8.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.

8.8. Phí, lệ phí: Không có.**8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:**

- Văn bản đề nghị cấp lại Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.
- Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;
- Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Văn bản đề nghị quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động:

TÊN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ

Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động

Kính gửi:

1. Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển
 - a) Tên cơ sở phá dỡ tàu biển:
 - b) Địa chỉ:
 - c) Số điện thoại liên hệ:
 - d) Người đại diện theo pháp luật:
 - đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do
 (Tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm
 - e) Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động số
 do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm
 2. Lý do đề nghị quyết định lại

 3. Văn bản kèm theo
 - a) Văn bản liên quan đến nội dung thay đổi (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Đề nghị ... thẩm định hồ sơ, trình ...(cơ quan có thẩm quyền)... cấp lại quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN

Mẫu Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động:**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động****CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP**

Căn cứ Nghị định số

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cơ sở phá dỡ tàu biển sau đây được phép tiếp nhận tàu biển để phá dỡ:

1. Tên cơ sở phá dỡ tàu biển:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại liên hệ:
3. Người đại diện theo pháp luật:
4. Loại tàu biển phá dỡ:
5. Giới hạn trọng tải toàn phần của tàu biển phá dỡ:

Điều 2. Cơ sở phá dỡ tàu biển căn cứ Quyết định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện hoạt động phá dỡ đúng mục đích, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.

Điều 3. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan căn cứ Quyết định này và các quy định có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Hiệu lực thi hành**Điều 5.** Tổ chức thực hiện./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan (01 bản);
- Cơ sở phá dỡ tàu biển Đề nghị (01 bản);
-
- Lưu: VT,....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN CẤP**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

9. Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ cơ sở phá dỡ tàu biển gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án phá dỡ đối với từng tàu biển đến cơ quan chuyên môn cấp tỉnh nơi có cơ sở phá dỡ tàu biển.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển theo mẫu và gửi cho cơ sở phá dỡ tàu biển; trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

9.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển theo mẫu (01 bản chính);
- Phương án phá dỡ tàu biển (01 bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cơ sở phá dỡ tàu biển;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cơ sở phá dỡ tàu biển;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

9.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển.

9.8. Phí, lệ phí: Không có.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Văn bản đề nghị phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển;
- Quyết định phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển.

9.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015;

- Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;
- Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Văn bản đề nghị phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển:

TÊN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ
Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển

Kính gửi:

1. Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển

a) Tên cơ sở phá dỡ tàu biển:

b) Địa chỉ:

c) Số điện thoại liên hệ:

d) Người đại diện theo pháp luật:.....

đ) Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động số do
 (Tên cơ quan cấp) cấp ngày thángnăm

2. Thông tin về tàu biển phá dỡ

a) Tên tàu:

b) Số IMO:

c) Loại tàu:

d) Trọng tải toàn phần (DWT):

đ) Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ số
 do (Tên cơ quan cấp) cấp ngàytháng năm

3. Văn bản kèm theo

a) 01 bản chính phương án phá dỡ tàu biển;

.....

Kính đề nghị xem xét, phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN
 (Ký, ghi rõ, họ tên, đóng dấu)

Mẫu Quyết định phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển:**CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN CẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /QĐ-...

....., ngày tháng năm ...

**QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...***Căn cứ Nghị định số;**Căn cứ;**Xét nội dung phương án phá dỡ tàu biển gửi kèm văn bản đề nghị số
.....ngày.....tháng.....năm 20..... của (Tên cơ sở phá dỡ tàu biển);**Theo đề nghị,***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển của tàu biển có thông số chính như sau:

1. Tên tàu:
2. Số IMO:
3. Loại tàu:
4. Trọng tải toàn phần (DWT):

Điều 2. Tàu biển nêu trên được phép vào (Tên cơ sở phá dỡ tàu biển) để thực hiện phá dỡ. Cơ sở phá dỡ tàu biển có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện phá dỡ theo đúng phương án phá dỡ tàu biển được phê duyệt.
2. Đóng các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan căn cứ quy định của Quyết định này và các quy định có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong khu vực cảng biển**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**Điều 5.** Tổ chức thực hiện....**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan (hải quan, hàng hải và đường thủy...);
- Cơ sở phá dỡ tàu biển đề nghị (01 bản);
-
- Lưu: VT,....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN CẤP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)**

10. Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

10.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp gửi hồ sơ làm thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ đến Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết hồ sơ TTHC:

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo quy định;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ theo mẫu; trường hợp không chấp thuận cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

10.2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ theo mẫu;
- Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- Quyết định của doanh nghiệp về việc mua tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu)

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

10.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

10.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

10.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.

10.8. Phí, lệ phí: Không có.**10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:**

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.
- Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;
- Nghị định 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;
- Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Văn bản đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ:

**TÊN DOANH NGHIỆP NHẬP
KHẨU TÀU BIỂN ĐÃ QUA
SỬ DỤNG ĐỂ PHÁ DỠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

Kính gửi: ...

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:Email:

3. Địa chỉ kinh doanh:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:Email:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ tên: Chức danh:

- Số CMND/Hộ chiếu: Ngày, nơi cấp:

- Quốc tịch:

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày.....thángnăm

6. Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển thuộc sở hữu hoặc quản lý, khai thác của doanh nghiệp vào hoạt động số ngày thángnăm

Đề nghị thẩm định hồ sơ, trình ... cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ đối với:

a) Tên tàu:

b) Số IMO:

c) Loại tàu:

d) Trọng tải toàn phần (DWT):

đ) Ngày tàu đến cảng biển đầu tiên của Việt Nam:

(Tên doanh nghiệp) cam kết thực hiện nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng theo đúng Giấy phép nhập khẩu và các quy định của pháp luật./.

Văn bản kèm theo:

- ;

-

....., ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ:**CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN CẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm ...

**GIẤY PHÉP
NHẬP KHẨU TÀU BIỂN ĐÃ QUA SỬ DỤNG ĐỂ PHÁ DỠ
Số: /năm.../GPNKTB**

Căn cứ Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ quy định quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;

Căn cứ;

Theo đề nghị của

...(Cơ quan có thẩm quyền)... cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ

a) Tên doanh nghiệp:

b) Địa chỉ trụ sở chính:

c) Địa chỉ kinh doanh:

d) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do ...(Tên cơ quan cấp)... cấp ngày.....tháng.....năm

đ) Người đại diện theo pháp luật:

2. Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển

a) Tên cơ sở phá dỡ:

b) Địa chỉ cơ sở phá dỡ:

3. Thông tin về Giấy phép

a) Tàu biển đã qua sử dụng được phép nhập khẩu để phá dỡ:

Tên tàu: Số IMO:

Loại tàu: Trọng tải toàn phần (DWT):

b) Thời hạn hiệu lực: Từ ngày đến ngày

c) Nơi cấp: Ngày cấp:/..

Nơi nhận:

- Các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan

(hải quan, hàng hải và đường thủy...);

- Doanh nghiệp Đề nghị (01 bản);

-

- Lưu: VT,....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN CẤP**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

11. Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn

11.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, hướng dẫn tổ chức hoàn thiện hồ sơ theo quy định;
- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyết định chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

11.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo mẫu;
- Bản chính sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu hàng hải;
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Văn bản phê duyệt dự án đầu tư.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

11.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn.

11.8. Phí, lệ phí: Không có.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn;
- Quyết định chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn.

11.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Đơn đề nghị Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn:**TÊN TỔ CHỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn(2)**

Kính gửi:(3).....

1. Thông tin tổ chức đề nghị chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn

a) Tên tổ chức/Doanh nghiệp:

b) Người đại diện theo pháp luật:

c) Đăng ký kinh doanh:.....ngày.....tháng.....năm.....tại

d) Địa chỉ:

đ) Số điện thoại liên hệ:.....

2. Nội dung đề xuất

a) Quy mô, kích thước, diện tích vùng hoạt động:;

b) Tọa độ các điểm xác định vùng hoạt động (theo Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000):.....

c) Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác;

(4)..... kính đề nghị(3)xem xét, chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn tại.....(2)

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (5)*(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)***Ghi chú:**

(1) Ký hiệu viết tắt của cơ quan, tổ chức (đơn vị, doanh nghiệp).

(2) Nêu tên vùng hoạt động (nếu có).

(3) Nêu tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định.

(4) Tên cơ quan, tổ chức.

(5) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức.

Mẫu Quyết định chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn:**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-...

....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

Căn cứ;
Xét Đơn đề nghị chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn của(1)..... và các
hồ sơ liên quan;
Theo đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn của(1)....., với các nội dung:

1. Thông tin chi tiết vùng hoạt động tàu lặn:
 - a) Quy mô, kích thước, diện tích:
 - b) Vị trí tọa độ các điểm khống chế vùng hoạt động của tàu lặn ...(2).....
2. Thời gian sử dụng vùng nước:.....
3. Các yêu cầu về biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.
4. Chủ khai thác:
 - Địa chỉ trụ sở:
 - Số điện thoại:
5. Mục đích sử dụng:

Điều 2.(1)trong quá trình khai thác vùng hoạt động tàu lặn có trách nhiệm:

- a) Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Nghị định số .../...../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định về;
- b) Không được phép hoạt động trái mục đích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;
- c)

Điều 3. Các(3)..... và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan (quốc phòng, công an, hàng hải và đường thủy...);
- Tổ chức đề nghị chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn (01 bản);
-
- Lưu: VT,....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN CẤP***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

- (1) Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn.
- (2) Thông tin về phạm vi vùng hoạt động tàu lặn.
- (3) Các cá nhân là Thủ trưởng các tổ chức có liên quan.

12. Thủ tục Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động

12.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, hướng dẫn tổ chức hoàn thiện hồ sơ theo quy định;
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

12.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động theo mẫu.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận đăng ký, đăng kiểm tàu lặn;
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Quyết định về việc giao khu vực biển;
- Bản chính Phương án bố trí người khai thác tàu lặn;
- Bản chính Phương án đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và tìm kiếm cứu nạn trong quá trình khai thác hoạt động tàu lặn.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

12.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

12.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động

12.8. Phí, lệ phí: Không có.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động;
- Quyết định phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động.

12.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Đơn đề nghị phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động:**TÊN TỔ CHỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động**

Kính gửi:

1. Thông tin về tổ chức khai thác tàu lặn
 - a) Tên tổ chức khai thác tàu lặn:.....
 - b) Địa chỉ:.....
 - c) Số điện thoại liên hệ:
 - d) Người đại diện theo pháp luật:.....
 - đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do (Tên cơ quan cấp) cấpngày.....tháng.....năm
 2. Thông tin về tàu lặn
 - a) Tên tàu lặn:
 - b) Vùng khai thác
 - c) Quyết định chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn sốdo (Tên cơ quan cấp) cấp ngày thángnăm
 - d) Quyết định giao khu vực biển sốdo (Tên cơ quan cấp) cấp ngày thángnăm
 3. Hồ sơ phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động
 - a) Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận đăng ký, đăng kiểm tàu lặn;
 - b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Quyết định về việc giao khu vực biển;
 - c) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Phương án bố trí người khai thác tàu lặn;
 - d) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Phương án đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và tìm kiếm cứu nạn trong quá trình khai thác hoạt động tàu lặn.
- Kính đề nghịxem xét, phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động.

ĐẠI DIỆN**TỔ CHỨC KHAI THÁC TÀU LẶN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu Quyết định Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động:**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

Căn cứ;

Xét đề nghị của;

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Tổ chức khai thác tàu lặn sau đây được phép tiến hành hoạt động khai thác tàu lặn:

1. Tên tổ chức khai thác tàu lặn:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại liên hệ:
4. Người đại diện theo pháp luật:
5. Thông số kỹ thuật tàu lặn:
6. Vùng khai thác:

Điều 2. Tổ chức khai thác tàu lặn có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung trong phương án đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc như sau:

.....

Điều 3. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan căn cứ quy định của Quyết định này và các quy định có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong khu vực cảng biển**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trưởng phòng..., tổ chức khai thác tàu lặn, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan;
- Tổ chức đề nghị (01 bản);
-;
- Lưu: VT,....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN CẤP***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

13. Thủ tục Chấm dứt hoạt động tàu lặn

13.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức khai thác hoạt động tàu lặn gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử đơn đề nghị chấm dứt hoạt động tàu lặn;

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định chấm dứt hoạt động tàu lặn.

13.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử đơn đề nghị chấm dứt hoạt động tàu lặn

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

13.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

13.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định chấm dứt hoạt động tàu lặn.

13.8. Phí, lệ phí: Không có.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động tàu lặn;

- Quyết định chấm dứt hoạt động tàu lặn.

13.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động tàu lặn:**TÊN TỔ CHỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Chấm dứt hoạt động tàu lặn

Kính gửi:

Tên tổ chức đề nghị:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký kinh doanh: Sốdo..... cấp ngày.... tháng.... năm.... tại

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị ... xem xét, tiến hành chấm dứt hoạt động tàu lặn với các thông tin dưới đây:

1. Tên tàu lặn:

2. Vùng khai thác hoạt động tàu lặn:

3. Lý do:

4. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có):

Kính đề nghị ... xem xét, giải quyết.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu Quyết định Chấm dứt hoạt động tàu lặn:**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Chấm dứt hoạt động tàu lặn**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

Căn cứ;

Căn cứ.....;

Xét đơn đề nghị của

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Chấm dứt hoạt động tàu lặn**Điều 2.**

1. Tổ chức khai thác tàu lặncó trách nhiệm

2.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số.....**Điều 4.** Trưởng phòng, tổ chức khai thác tàu lặn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan;
- Tổ chức đề nghị (01 bản);
-
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN CẤP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

14. Đổi tên cảng cạn

14.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ đầu tư hoặc người quản lý khai thác cảng cạn gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 01 bộ hồ sơ đổi tên cảng cạn.

b) Giải quyết TTHC:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên cảng cạn chưa phù hợp thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn chủ đầu tư hoặc người khai thác cảng cạn để hoàn thiện hồ sơ cho phù hợp;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định đổi tên cảng cạn; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

14.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Tờ khai theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

14.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

14.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

14.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

14.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định đổi tên cảng cạn

14.8. Phí, lệ phí: Không có.

14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Tờ khai đổi tên cảng cạn.

14.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

14.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Tờ khai đổi tên cảng cạn:**TÊN TỔ CHỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ KHAI
Đổi tên cảng cạn

Kính gửi:

Tên doanh nghiệp, tổ chức:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký kinh doanh: Sốdo..... cấp ngày..... thángnăm.....
tại.....

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị(1) xem xét, chấp thuận đổi tên cảng cạn với các thông tin dưới đây:

1. Tên công trình:

2. Vị trí:

3. Tên cũ đã công bố:

4. Tên mới:

Kính Đề nghị (1) xem xét,
giải quyết./.**CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

15. Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu

15.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đến cơ quan đăng ký phương tiện.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký phương tiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

15.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

15.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp, gồm:
 - + Đơn đề nghị đăng ký phương tiện theo Mẫu;
 - + Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.
- Giấy tờ phải xuất trình khi nộp hồ sơ gồm bản chính các loại sau:
 - + Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;
 - + Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;
 - + Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện: Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương;
 - + Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài.

(Trường hợp chủ phương tiện đồng thời là chủ cơ sở đóng mới, hoàn cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật, khi thực hiện đăng ký phương tiện không phải xuất trình Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện: Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

15.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

15.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

15.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan phối hợp: Không có.

15.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.

15.8. Phí, lệ phí: Không có.

15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện;
- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

15.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;
- Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;
- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu đơn đề nghị đăng ký phương tiện:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC
(Dùng cho phương tiện đăng ký lần đầu)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính:

(1).....

- Điện thoại:.....Email:.....

Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện:..... Ký hiệu thiết kế:

Công dụng:

Năm và nơi đóng:.....

Cấp tàu: Vật liệu vỏ:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất: m

Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất: m

Chiều cao mạn: m Chiều chìm: m

Mạn khô: m Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy: tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

Máy phụ (nếu có).....

Giấy phép nhập khẩu số (nếu có):..... ngày tháng năm 20.....

Do cơ quan cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số:.....do cơ quan

..... cấp.

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ngày tháng năm 20.....

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện:

CƠ QUAN CHỦ QUẢN CƠ QUAN CẤP GIẤY CN ĐĂNG KÝ ----- Số:/ĐK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
	
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC	
Tên phương tiện:Số đăng ký:	
Chủ phương tiện:	
Địa chỉ chủ phương tiện:	
Đã đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:	
Cấp phương tiện:Công dụng:	
Năm và nơi đóng:	
Chiều dài thiết kế:m, Chiều dài lớn nhất:m	
Chiều rộng thiết kế:m, Chiều rộng lớn nhất:m	
Chiều cao mạn:m, Chiều chìm:m	
Mạn khô:m, Vật liệu vỏ:	
Số lượng, kiểu và công suất máy chính:	
Trọng tải toàn phần; số lượng người được phép chở; sức kéo, đẩy:	
....., ngày ... tháng ... năm ...	
Số sêri:	

Ghi chú:

- * Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện được in trên bìa cứng và có kích thước như sau:

- Chiều dài toàn bộ: 20 cm	- Chiều dài của khung viên: 18 cm
- Chiều rộng toàn bộ: 15 cm	- Chiều rộng của khung viên: 13 cm
- * Số sêri: Bao gồm phần chữ và phần số
 - Phần chữ: là ký hiệu của nhóm chữ cái ghi trên Sổ đăng ký theo quy định tại Mẫu số 09.
 - Phần số: gồm 6 chữ số, đánh số theo tuần tự bắt đầu từ 000001.

16. Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước

16.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan đăng ký phương tiện lần đầu 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử đơn đề nghị theo Mẫu.
- Trường hợp cần chuyển đăng ký phương tiện sang cơ quan đăng ký phương tiện của địa phương khác, chủ phương tiện nộp đơn đề nghị chuyển, nơi đăng ký, nêu rõ nơi đăng ký mới và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó. Cơ quan đăng ký nơi chủ phương tiện đề nghị đăng ký phương tiện, căn cứ cơ sở dữ liệu của phương tiện để cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện mới cho chủ phương tiện với các nội dung thông tin đăng ký giữ nguyên như Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cũ.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp thay đổi tên phương tiện, thay đổi thông số kỹ thuật, thay đổi chủ sở hữu phương tiện:
 - + Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.
 - + Cơ quan đăng ký phương tiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp trước đó, tiêu hủy theo quy định.
 - + Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký phương tiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
- Trường hợp cần chuyển đăng ký phương tiện sang cơ quan đăng ký phương tiện của địa phương khác:
 - + Chủ phương tiện nộp đơn đề nghị chuyển, nơi đăng ký, nêu rõ nơi đăng ký mới và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó.
 - + Cơ quan đăng ký nơi chủ phương tiện đề nghị đăng ký phương tiện, căn cứ cơ sở dữ liệu của phương tiện để cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện mới cho chủ phương tiện với các nội dung thông tin đăng ký giữ nguyên như Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cũ.

16.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

16.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp thay đổi tên phương tiện:

- + Đơn đề nghị đăng ký phương tiện theo Mẫu;
- + Giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó và xuất trình Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.
- Trường hợp thay đổi thông số kỹ thuật
- + Đơn đề nghị đăng ký phương tiện theo Mẫu;
- + Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó, biên lai hoặc giấy chứng nhận đã nộp phí, lệ phí (nếu có);
- + Xuất trình Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.
- Trường hợp thay đổi chủ sở hữu phương tiện:
- + Đơn đề nghị đăng ký phương tiện theo Mẫu;
- + Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó, biên lai hoặc giấy chứng nhận đã nộp phí, lệ phí (nếu có);
- + Xuất trình giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện theo quy định: Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương;
- + Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.
- Trường hợp cần chuyển đăng ký phương tiện sang cơ quan đăng ký phương tiện của địa phương khác:
- + Đơn đề nghị chuyển, nơi đăng ký nêu rõ nơi đăng ký mới và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

16.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

16.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

16.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan phối hợp: Không có.

16.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.

16.8. Phí, lệ phí: Không có.

16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện;

- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.

16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

16.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;
- Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;
- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu đơn đề nghị đăng ký phương tiện:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC
(Dùng cho phương tiện đăng ký lại)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:đại diện cho các đồng sở hữu
- Trụ sở chính: (1).....
- Điện thoại: Email:

Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Số đăng ký:
do..... cấp ngày..... tháng..... năm

Nay đề nghị đăng ký lại phương tiện với lý do:

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ... tháng ... năm ...
CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

Ghi chú:

- (1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.
- (2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện:

CƠ QUAN CHỦ QUẢN CƠ QUAN CẤP GIẤY CN ĐĂNG KÝ ----- Số:/ĐK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
	
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC	
Tên phương tiện:Số đăng ký:	
Chủ phương tiện:	
Địa chỉ chủ phương tiện:	
Đã đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:	
Cấp phương tiện:Công dụng:	
Năm và nơi đóng:	
Chiều dài thiết kế:m, Chiều dài lớn nhất:m	
Chiều rộng thiết kế:m, Chiều rộng lớn nhất:m	
Chiều cao mạn:m, Chiều chìm:m	
Mạn khô:m, Vật liệu vỏ:	
Số lượng, kiểu và công suất máy chính:	
Trọng tải toàn phần; số lượng người được phép chở; sức kéo, đẩy:	
....., ngày ... tháng ... năm ...	
Số sêri:	

Ghi chú:

- * Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện được in trên bìa cứng và có kích thước như sau:

- Chiều dài toàn bộ: 20 cm	- Chiều dài của khung viên: 18 cm
- Chiều rộng toàn bộ: 15 cm	- Chiều rộng của khung viên: 13 cm
- * Số sêri: Bao gồm phần chữ và phần số
 - Phần chữ: là ký hiệu của nhóm chữ cái ghi trên Sổ đăng ký theo quy định tại Mẫu số 09.
 - Phần số: gồm 6 chữ số, đánh số theo tuần tự bắt đầu từ 000001.

17. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước

17.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến cơ quan đăng ký phương tiện.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký phương tiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng, cơ quan đăng ký phương tiện thu lại và tiêu hủy Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hư hỏng theo quy định.

- Cơ quan đăng ký phương tiện thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên cổng thông tin điện tử của cơ quan về các trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.

17.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

17.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đăng ký: đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo Mẫu, trong đó nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về tính trung thực nội dung khai báo.

- Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng: đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo Mẫu và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

17.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

17.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

17.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan phối hợp: Không có.

17.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.

17.8. Phí, lệ phí: Không có.

17.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.
- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.

17.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

17.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;
- Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;
- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VUI
CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC**

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:đại diện cho các đồng sở hữu
- Trụ sở chính: (1).....
- Điện thoại: Email:

Đề nghị cơ quan đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Số đăng ký:

do..... cấp ngày..... tháng..... năm

Lý do xin cấp lại:

.....

.....

.....

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

....., ngày ... tháng ... năm ...

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

Ghi chú:

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện:

CƠ QUAN CHỦ QUẢN CƠ QUAN CẤP GIẤY CN ĐĂNG KÝ ----- Số:/ĐK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
	
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC	
Tên phương tiện:Số đăng ký:	
Chủ phương tiện:	
Địa chỉ chủ phương tiện:	
Đã đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:	
Cấp phương tiện:Công dụng:	
Năm và nơi đóng:	
Chiều dài thiết kế:m, Chiều dài lớn nhất:m	
Chiều rộng thiết kế:m, Chiều rộng lớn nhất:m	
Chiều cao mạn:m, Chiều chìm:m	
Mạn khô:m, Vật liệu vỏ:	
Số lượng, kiểu và công suất máy chính:	
Trọng tải toàn phần; số lượng người được phép chở; sức kéo, đẩy:	
....., ngày ... tháng ... năm ...	
Số sêri:	

Ghi chú:

- * Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện được in trên bìa cứng và có kích thước như sau:
 - Chiều dài toàn bộ: 20 cm
 - Chiều dài của khung viên: 18 cm
 - Chiều rộng toàn bộ: 15 cm
 - Chiều rộng của khung viên: 13 cm
- * Số sêri: Bao gồm phần chữ và phần số
 - Phần chữ: là ký hiệu của nhóm chữ cái ghi trên Sổ đăng ký theo quy định tại Mẫu số 09.
 - Phần số: gồm 6 chữ số, đánh số theo tuần tự bắt đầu từ 000001.

18. Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước

18.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đến cơ quan đăng ký phương tiện.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký phương tiện cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
- Cơ quan đăng ký phương tiện thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên cổng thông tin điện tử của cơ quan về các trường hợp xóa đăng ký phương tiện.

18.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

18.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện theo Mẫu;
- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

18.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

18.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

18.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan phối hợp: Không có.

18.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện.

18.8. Phí, lệ phí: Không có.

18.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện;

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện.

18.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

18.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;
- Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;
- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:đại diện cho các đồng sở hữu
- Trụ sở chính:(1).....
- Điện thoại: Email:

Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện:Số đăng ký:

Lý do xóa đăng ký:

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ... tháng ... năm ...
CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

Ghi chú:

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

Mẫu Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện:

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN CẤP GIẤY CN ĐĂNG KÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../XĐK

**GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC**

Tên phương tiện: Số đăng ký:

Chủ phương tiện:

Địa chỉ chủ phương tiện:

Đã đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:

Cấp phương tiện: Công dụng:.....

Năm và nơi đóng:.....

Chiều dài thiết kế:.....m, Chiều dài lớn nhất:.....m

Chiều rộng thiết kế:.....m, Chiều rộng lớn nhất:.....m

Chiều cao mạn:.....m, Chiều chìm:.....m

Mạn khô:.....m, Vật liệu vỏ:.....

Số lượng, kiểu và công suất máy chính:.....

Trọng tải toàn phần; số lượng người được phép chở; sức kéo, đẩy:.....

....., ngày tháng năm

19. Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát

19.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp xã 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử đơn đề nghị theo Mẫu.

b) Giải quyết TTHC:

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát.

19.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

19.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo Mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

19.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố đóng, không cho phép hoạt động: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.

19.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

19.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan phối hợp: Không có.

19.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố.

19.8. Phí, lệ phí: Không có.

19.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị về công bố đóng vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước;
- Quyết định công bố đóng, không cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2.

19.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

19.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;
- Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;
- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu đơn đề nghị về công bố đóng vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước:**TÊN TỔ CHỨC**
_____**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐĐN-.....(1)

.....(địa danh), ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Về công bố đóng vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước
.....(2)

Kính gửi:(3).....

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước.

Căn cứ :(4)

2. Nội dung đề xuất

a) Lý do của việc đóng vùng hoạt động;

b) Địa danh;

c) Chiều dài vùng hoạt động:km (từ..... đến.....);

d) Chiều rộng vùng hoạt động:km (từ..... đến.....);

đ) Thời gian bắt đầu đóng vùng hoạt động:;

e) Các nội dung khác.....(5)..... kính đề nghị(3)..... xem xét, công bố đóng vùng hoạt động(2)

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT,(7)

THỦ TRƯỞNG (6)

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

(1) Ký hiệu viết tắt của cơ quan, tổ chức (đơn vị, doanh nghiệp).

(2) Nêu tên vùng hoạt động (nếu có).

(3) Nêu tên cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định tại Nghị định này.

(4) Nêu: Quyết định phê duyệt (nếu có), hoặc căn cứ vào nhu cầu....

(5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

Mẫu Quyết định công bố đóng, không cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2:

ỦY BAN NHÂN DÂN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....(địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Công bố đóng, không cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2

ỦY BAN NHÂN DÂN ...

Căn cứ;

Căn cứ Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước;

Xét Đơn đề nghị công bố đóng vùng hoạt động vui chơi giải trí của(1).....và các hồ sơ liên quan,

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố đóng, không cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2 của(1)....., với các nội dung:

- Địa chỉ trụ sở:
- Số điện thoại:
- Đã được cấp vùng hoạt động vui chơi giải trí theo Quyết định số ...

Điều 2.(1)..... có trách nhiệm thanh thải vật chướng ngại và trả lại nguyên trạng tự nhiên của vùng hoạt động như trước khi được công bố.

Điều 3. Các(2).... và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

.....

- Lưu: VT,...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn A

Ghi chú:

- (1) Tên của tổ chức cá nhân đề nghị công bố đóng vùng hoạt động.
- (2) Các cá nhân là thủ trưởng các tổ chức có liên quan.

20. Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát

20.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

- Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ; nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố, cho phép hoạt động; trường hợp không giải quyết phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

20.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

20.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ công bố vùng hoạt động có dự án đầu tư xây dựng (01 bộ hồ sơ, mỗi loại 01 bản), gồm:

- + Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo Mẫu;
- + Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động giáp ranh với vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải hoặc sơ đồ bố trí phao và cờ hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động không giáp ranh với vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải;
- + Bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử quyết định phê duyệt dự án (nếu có);
- + Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử Phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường;
- + Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử bản vẽ hoàn công công trình, bao gồm cả hải đồ hoặc bản đồ thể hiện vị trí.

- Hồ sơ công bố vùng hoạt động không có dự án đầu tư xây dựng (01 bộ hồ sơ, mỗi loại 01 bản), gồm:

- + Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo Mẫu;

- + Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động giáp ranh với vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải hoặc sơ đồ bố trí phao và còi hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động không giáp ranh với vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải;
- + Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

20.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố, cho phép hoạt động: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

20.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

20.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan phối hợp: Không có.

20.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố.

20.8. Phí, lệ phí: Không có.

20.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị công bố vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước;
- Quyết định công bố mở, cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2.

20.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

20.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;
- Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;
- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu đơn đề nghị công bố vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước:**TÊN TỔ CHỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐĐN-.....(1)

.....(địa danh), ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Công bố vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước(2)**

Kính gửi:(3).....

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày ... thángnăm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước.

Căn cứ(4)

2. Nội dung đề xuất

a) Chiều dài vùng hoạt động:km (từ.....đến.....);

b) Chiều rộng vùng hoạt động:km (từ.....đến.....);

c) Tọa độ các điểm xác định vùng hoạt động (theo Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000):.....

d) Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác

đ) Các nội dung..... (5)..... kính đề nghị(3)xem xét, công bố vùng hoạt động(2)

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT,(7)

THỦ TRƯỞNG (6)

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

(1) Ký hiệu viết tắt của cơ quan, tổ chức (đơn vị, doanh nghiệp).

(2) Nêu tên vùng hoạt động (nếu có).

(3) Nêu tên cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định tại Nghị định này.

(4) Nêu: Quyết định phê duyệt (nếu có).

(5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

Mẫu Quyết định công bố mở, cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2:**ỦY BAN NHÂN DÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....

Số:/.....

....(địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Công bố mở, cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2****ỦY BAN NHÂN DÂN***Căn cứ*;*Căn cứ Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước;**Xét Đơn đề nghị công bố vùng hoạt động vui chơi giải trí của(1)..... và các hồ sơ liên quan;**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Công bố mở, cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2 của(1)....., với các nội dung:

1. Vị trí và phạm vi vùng hoạt động:

a) Khu vực hoạt động số 1:(2)..... được xác định bởi các điểm từ đến ... có tọa độ theo bảng Phụ lục kèm theo;

b) Khu neo đậu số 2:(2)..... được xác định bởi các điểm từ ... đến... có tọa độ theo bảng Phụ lục kèm theo;

c) Khu neo đậu số (2) ... được xác định bởi các điểm từ ... đến... có tọa độ theo bảng Phụ lục kèm theo;

Theo vị trí tọa độ các điểm không chế vùng hoạt động do(3)..... lập ngày... tháng ... năm...

2. Chủ khai thác:

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại:

3. Mục đích sử dụng: Hoạt động vui chơi giải trí.

Điều 2.(1)..... trong quá trình khai thác vùng hoạt động có trách nhiệm:

1. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Không được phép hoạt động vui chơi giải trí trái mục đích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.

Điều 3. Các(4)..... và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
 - Như Điều 3;

 - Lưu: VT,...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn A

Ghi chú:

- (1) Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị công bố vùng hoạt động.
- (2) Thông tin về phạm vi vùng hoạt động:
 - Nếu vùng hoạt động trên sông thì ghi: từ Km ... đến Km bờ (phải/trái) sông có chiều dàim dọc theo sông, chiều rộngm;
 - Nếu vùng hoạt động không phải trên sông ghi: chiều dài, chiều rộng vùng hoạt động.
- (3) Tên của tổ chức lập tọa độ các điểm khống chế vùng hoạt động.
- (4) Các cá nhân là thủ trưởng các tổ chức có liên quan.

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân....)

Tọa độ các điểm khống chế vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước tại vùng 2 của

(theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực ...⁰... ” mũi chiếu ...⁰)

Điểm	X(m)	Y(m)	Ghi chú
I	Vùng hoạt động số 1		
B1			
B2			
B3			
B4			
...			
II	Vùng hoạt động số 2		
A1			
A2			
A3			
A4			
...			
III	Vùng hoạt động số 3		
C12			
C13			
C14			
C15			
...			

21. Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa

21.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, trước khi có văn bản thỏa thuận, Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến của Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực;
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực, có văn bản trả lời;
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư.
- Trường hợp bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển, trước khi thẩm định, thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến của Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ Đường thủy nội địa bằng văn bản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ Đường thủy nội địa có văn bản trả lời.

21.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

21.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa theo mẫu;
- Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Sơ đồ mặt bằng vị trí dự kiến xây dựng bến thủy nội địa: Thể hiện địa danh, vị trí công trình, vùng đất, vùng nước trước bến thủy nội địa, lý trình (km) sông, kênh, rạch và các công trình liên kề (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

21.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực, Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ Đường thủy nội địa (đối với trường hợp bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển) có văn bản trả lời: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Thời hạn thẩm định, thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực, Cảng vụ hàng hải/ Cảng vụ Đường thủy nội địa (đối với trường hợp bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển).

21.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

21.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan phối hợp: Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa.

21.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng.

21.8. Phí, lệ phí: Không có.

21.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa.

21.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

21.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa:**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số....ngày ... tháng năm ... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng cảng, bến thủy nội địa (tên cảng, bến thủy nội địa)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ (3).....

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh)

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố):

2. Quy mô dự kiến (số cầu cảng, bến; kết cấu, cao trình mặt cầu cảng, bến).

3. Mục đích sử dụng

4. Phạm vi vùng đất sử dụng

5. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ...m; có sức chở... hành khách.

6. Phạm vi vùng nước sử dụng: (chiều dài dọc theo bờ sông, kênh ...m, chiều rộng từ mép ngoài cầu cảng, bến...m);

7. Thời gian thực hiện:

8. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung trong văn bản thỏa thuận xây dựng, (thiết lập) cảng (bến).

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG*(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Đối với bến thủy nội địa tạm thời không phải ghi nội dung này.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

22. Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính

22.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến gửi chủ đầu tư.

22.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác.

22.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị thỏa thuận xây dựng bến thủy nội địa theo mẫu;
- Bản vẽ mặt bằng vị trí dự kiến xây dựng bến thủy nội địa: Thể hiện địa danh, vị trí công trình lân cận, vùng đất, vùng nước trước bến, lý trình (km) sông, kênh, rạch.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

22.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

22.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

22.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

22.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng.

22.8. Phí, lệ phí: Không có.

22.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa.

22.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

22.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mẫu Đơn đề nghị thỏa thuận xây dựng bến thủy nội địa:**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng năm ... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng cảng, bến thủy nội địa (tên cảng, bến thủy nội địa)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ (3).....

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh)

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố):

2. Quy mô dự kiến (số cầu cảng, bến; kết cấu, cao trình mặt cầu cảng, bến).

3. Mục đích sử dụng

4. Phạm vi vùng đất sử dụng

5. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ...m; có sức chở... hành khách.

6. Phạm vi vùng nước sử dụng: (chiều dài dọc theo bờ sông, kênh ...m, chiều rộng từ mép ngoài cầu cảng, bến...m);

7. Thời gian thực hiện:

8. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung trong văn bản thỏa thuận xây dựng, (thiết lập) cảng (bến).

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG*(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Đối với bến thủy nội địa tạm thời không phải ghi nội dung này.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

23. Công bố hoạt động bến thủy nội địa

23.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trước khi đưa công trình bến thủy nội địa vào khai thác, chủ bến thủy nội địa nộp hồ sơ đề nghị công bố hoạt động đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản tổ chức, cá nhân qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa.

23.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

23.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố hoạt động bến thủy nội địa theo mẫu;
- Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng bến thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng;
- Bản sao có chứng thực giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến thủy nội địa hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp là bến phao;
- Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật của chủ đầu tư (đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng) hoặc phương án khai thác bến thủy nội địa;
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng, mặt cắt ngang công trình đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng;
- Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, công-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, công-tông làm cầu bến hoặc bến phao).

(Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ tương ứng theo quy định).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

23.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

23.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Tổ chức, cá nhân.

23.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

23.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa.

23.8. Phí, lệ phí:

- Phí Thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần.

23.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị công bố hoạt động bến thủy nội địa;
- Quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa.

23.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

23.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu Đơn đề nghị công bố hoạt động bến thủy nội địa:**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Công bố hoạt động bến thủy nội địa**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng ... năm tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Cảng (bến) thuộc loại

3. Phạm vi vùng đất sử dụng

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu.....tại vị trí có tọa độ

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ... m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày...tháng...năm... đến ngày ...tháng...năm...

11. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến).

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)*(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

- Trường hợp bến khách ngang trên cùng địa bàn cấp xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố.

Mẫu Quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa:**CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CÔNG BỐ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ.....

..., ngày... tháng... năm....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố (công bố lại⁽¹⁾) hoạt động cảng (bến) thủy nội địa**BỘ TRƯỞNG XÂY DỰNG⁽²⁾***Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;**Căn cứ Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng 01 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;**Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố (công bố lại) cảng (bến) thủy nội địa của.....;**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Công bố (công bố lại) hoạt động cảng (bến) thủy nội địa

Tại vị trí có tọa độ.....

Từ km thứ..... đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái)..... sông, kênh)

Thuộc địa phận: xã (phường)....., huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

Của (tổ chức, cá nhân)

Địa chỉ

Số điện thoại..... số Fax

Loại cảng (bến)

Cấp kỹ thuật của cảng

Vùng đất của cảng (bến)

Kết cấu công trình cảng (bến)

Được phép tiếp nhận phương tiện có món nước... m hoặc trọng tải... tấn; có sức chở... hành khách.

Vùng nước của cảng (bến) theo bình đồ (sơ đồ) vùng nước cảng (bến) do cơ quan, đơn vị thực hiện..... ngày..... tháng..... năm

Thiết bị xếp, dỡ

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...**Điều 4.** ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;

- ...;

- Lưu: VT, ...

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN⁽²⁾*(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Trường hợp công bố lại hoạt động cảng, bến chỉ ghi những nội dung thay đổi.

(2) Bộ trưởng Bộ Xây dựng hoặc là Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

24. Thủ tục Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính

24.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi đưa bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính vào khai thác, chủ bến nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.

24.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

24.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn nghị công bố hoạt động theo mẫu;
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (nếu có), bản sao có chứng thực giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến (đối với bến khách ngang sông); bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, công-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, công-tông làm bến).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

24.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

24.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

24.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

24.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa.

24.8. Phí, lệ phí:

- Phí Thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần.

24.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị công bố hoạt động bến thủy nội địa;
- Quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa.

24.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

24.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu Đơn đề nghị công bố hoạt động bến thủy nội địa:**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Công bố hoạt động bến thủy nội địa**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng ... năm tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Cảng (bến) thuộc loại

3. Phạm vi vùng đất sử dụng

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu.....tại vị trí có tọa độ

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ... m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày...tháng...năm... đến ngày ...tháng...năm...

11. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến).

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

- Trường hợp bến khách ngang trên cùng địa bàn cấp xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố.

Mẫu Quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa:**CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CÔNG BỐ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ.....

..., ngày... tháng... năm....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố (công bố lại⁽¹⁾) hoạt động cảng (bến) thủy nội địa****BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG⁽²⁾***Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;**Căn cứ Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng 01 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;**Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố (công bố lại) cảng (bến) thủy nội địa của.....;**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Công bố (công bố lại) hoạt động cảng (bến) thủy nội địa

Tại vị trí có tọa độ.....

Từ km thứ..... đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái)..... sông, kênh)

Thuộc địa phận: xã (phường)....., huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

Của (tổ chức, cá nhân)

Địa chỉ

Số điện thoại..... số Fax

Loại cảng (bến)

Cấp kỹ thuật của cảng

Vùng đất của cảng (bến)

Kết cấu công trình cảng (bến)

Được phép tiếp nhận phương tiện có món nước... m hoặc trọng tải... tấn; có sức chở... hành khách.

Vùng nước của cảng (bến) theo bình đồ (sơ đồ) vùng nước cảng (bến) do cơ quan, đơn vị thực hiện..... ngày..... tháng..... năm

Thiết bị xếp, dỡ

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...**Điều 4.** ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;

- ...;

- Lưu: VT, ...

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN⁽²⁾*(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Trường hợp công bố lại hoạt động cảng, bến chỉ ghi những nội dung thay đổi.

(2) Bộ trưởng Bộ Xây dựng hoặc là Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

25. Thủ tục Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa

25.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Trước khi đưa công trình bến thủy nội địa vào khai thác, chủ bến thủy nội địa nộp hồ sơ đề nghị công bố hoạt động đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản tổ chức, cá nhân qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa.

25.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua công dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

25.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố lại hoạt động bến thủy nội địa theo mẫu;
- Hồ sơ (đối với phần thay đổi kết cấu công trình của bến thủy nội địa):
 - + Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật của chủ đầu tư (đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng) hoặc phương án khai thác bến thủy nội địa;
 - + Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng, mặt cắt ngang công trình đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng;
 - + Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông làm cầu bến hoặc bến phao).
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi vùng đất, vùng nước (đối với trường hợp thay đổi vùng đất, vùng nước của bến thủy nội địa);
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu các văn bản chứng minh việc thay đổi chủ bến (đối với trường hợp thay đổi chủ bến thủy nội địa).

(Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ tương ứng theo quy định).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

25.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

25.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Tổ chức, cá nhân.

25.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

25.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Quyết định công bố lại hoạt động bến thủy nội địa.

25.8. Phí, lệ phí:

- Phí Thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần.

25.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị công bố lại hoạt động bến thủy nội địa;
- Quyết định công bố lại hoạt động bến thủy nội địa.

25.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Bến thủy nội địa phải công bố lại hoạt động trong các trường hợp sau:

- + Thay đổi quy mô, công năng của cảng, bến thủy nội địa;
- + Thay đổi vùng đất, vùng nước của cảng, bến thủy nội địa;
- + Thay đổi chủ cảng, bến thủy nội địa.

25.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu Đơn đề nghị công bố lại hoạt động bến thủy nội địa:**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng ... năm tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Cảng (bến) thuộc loại

3. Phạm vi vùng đất sử dụng

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu.....tại vị trí có tọa độ

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ... m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày....tháng....năm... đến ngày ...tháng...năm...

11. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến).

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

- Trường hợp bến khách ngang trên cùng địa bàn cấp xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố.

Mẫu Quyết định công bố lại hoạt động bến thủy nội địa:**CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CÔNG BỐ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ.....

..., ngày... tháng... năm....

**QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố (công bố lại⁽¹⁾) hoạt động cảng (bến) thủy nội địa****BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG⁽²⁾**

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng 01 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố (công bố lại) cảng (bến) thủy nội địa của.....;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Công bố (công bố lại) hoạt động cảng (bến) thủy nội địa

Tại vị trí có tọa độ.....

Từ km thứ..... đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái)..... sông, kênh)

Thuộc địa phận: xã (phường)....., huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

Của (tổ chức, cá nhân)

Địa chỉ

Số điện thoại..... số Fax

Loại cảng (bến)

Cấp kỹ thuật của cảng

Vùng đất của cảng (bến)

Kết cấu công trình cảng (bến)

Được phép tiếp nhận phương tiện có món nước... m hoặc trọng tải... tấn; có sức chở... hành khách.

Vùng nước của cảng (bến) theo bình đồ (sơ đồ) vùng nước cảng (bến) do cơ quan, đơn vị thực hiện..... ngày..... tháng..... năm

Thiết bị xếp, dỡ

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...**Điều 4.** ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;

- ...;

- Lưu: VT, ...

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN⁽²⁾*(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Trường hợp công bố lại hoạt động cảng, bến chỉ ghi những nội dung thay đổi.

(2) Bộ trưởng Bộ Xây dựng hoặc là Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.